**CƠ SỞ HÌNH THÀNH NGUYÊN TẮC: “THẨM PHÁN VÀ HỘI THẨM NHÂN DÂN XÉT XỬ ĐỘC LẬP VÀ CHỈ TUÂN THEO PHÁP LUẬT”**

Nguyên tắc: “thẩm phán và hội thẩm nhân dân xét xử độc lập và chỉ tuân theo pháp luật” được nhắc đến trong các bộ luật tố tụng, và được xem là nền tảng cuả bộ luật tố tụng, trong đó bao gồm tố tụng hình sự, bộ luật tố tụng dân sự và bộ luật tố tụng hành chính là nguyên tắc cơ bản cấu thành nên hệ thống các nguyên tắc khác trong ngành tư pháp nói chung và hoạt động xét xử thông qua hoạt động tố tụng nói riêng.

Có thể khẳng định vị trí của nguyên tắc này ngay từ những quy định của Hiến Pháp qua các thời kì lịch sử khác nhau. Nó là một nguyên tắc hiến định mà nếu vi phạm nguyên tắc này, các hoạt động xét xử không những vi phạm luật tố tụng mà còn vi phạm Hiến pháp Việt Nam.

Theo Từ điển tiếng Việt: “Độc lập *là đứng một mình, không dựa vào ai, không nhờ cậy ai, không bị ai kiềm chế”[[1]](#footnote-1)*. Hay nguyên tắc *“Khi xét xử, Thẩm phán và Hội thẩm độc lập và chỉ tuân theo pháp luật”*được thể hiện dưới hai khía cạnh khác nhau là độc lập với các yếu tố bên ngoài và độc lập với các yếu tố bên trong đặt trong mối tương quan với pháp luật.

Nhìn nhận lại nguyên tắc, nhìn nhận các đối tượng liên quan, ta có thể thấy Thẩm phán là những đối tượng có trình độ, có năng lực luật học đã được đào tạo chuyên sâu qua các khoá học luật cử nhân, khoá đào tạo thẩm phán tại học viện tư pháp. Trong khi đó hội thẩm nhân dân lại là những đối tượng mà theo như quy định tại Pháp lệnh thì: “cần có hiểu biết về pháp luật, không đòi hỏi cao về trình độ chuyên môn về luật học. Họ là đại diện các giới, các ngành, các tổ chức xã hội nghề nghiệp”. Chính vì vậy, vai trò của hội thẩm nhân dân không phải nhìn nhận dưới góc độ của một luật gia thuần tuý, mà mang tính “ xã hội’ cao hơn. Đặt pháp luật trong cái nhìn mềm dẻo hơn.

Vậy cơ sở nào hình thành nên nguyên tắc này?

1. ***Cơ sở lý luận***

*Thứ nhất,* xuất phát từ nguyên tắc tổ chức và phân công quyền lực Nhà nước ở Việt Nam.

Nói đến tổ chức nhà nước Việt Nam, ta có thể thấy được phần nào sự ảnh hưởng của tư duy Montesquier về thuyết phân chia quyền lực. Theo đó, nhà nước ta cũng phân chia thành 3 nhánh quyền lực chính là Lập pháp, hành pháp và tư pháp, tuy nhiên tính phân chia và đối trọng của nhà nước ta không thuần tuý và ngang bằng như học thuyết do có tính ảnh hưởng của nền Xã hội chủ nghĩa. Vì vậy Tổ chức nhà nước mặc dù có sự phân chia, nhưng luôn có sự phối hợp, phân công và là một quyền lực thống nhất. Tư tưởng này cũng chính là kết quả của sự tiếp thu của tư tưởng Hồ Chí Minh. Đây được xem là cơ sở lý luận của nguyên tắc độc lập xét xử của toà án hiện nay. Về lý luận cũng như thực tiễn đã cho ta thấy, hoạt động của bộ máy nhà nước sẽ mất đi nếu như thẩm phán, hội thẩm nhân dân mất đi tính tự chủ của mình trong hoạt động xét xử. Sự vi phạm nguyên tắc này sẽ dẫn tới tình trạng lạm dụng quyền lực, sự thoái hoá của quyền lực nhà nước và dĩ nhiên chính xã hội, chính các cá thể trong xã hội đó sẽ phải gánh chịu những hậu quả nặng nề.

*Thứ hai,* xuất phát từ hoạt động tư pháp mà Toà án thực hiện

Tư pháp là một nhánh quyền lực nhà nước, bên cạnh nhánh quyền lực lập pháp và hành pháp, mà trong đó, Toà án là cơ quan thực hiện chức năng, thực hiện hoạt động tư pháp – là cơ quan nhân danh công lý – cơ quan thực hiện công lý. Chính vì thế Toà an xét xử như một người đứng giữa, ý kiến trung lập và không bị ảnh hưởng bởi bất kì bên nào mà chỉ xét xử độc lập và chỉ tuân theo pháp luật. Tính độc lập như là một cơ sở để Toà án xét xử công tâm, vững vàng, khách quan, và chỉ tuân theo pháp luật là cơ sở để Toà án có thể độc lập xét xử.

Một bản án được ban hành có tính chất quan trọng, ảnh hưởng đến sự thật của vụ án, ảnh hưởng đến cả tinh thần, vật chất, và thể chất, những yếu tố quan trọng mà một khi ta xâm phạm thì không thể đền bù được. Vì vậy nguyên tắc không thể vi phạm.

 *Thứ ba,* xuất phát từ tính chất của nhà nước ta - nhà nước xã hội chủ nghĩa

Như ta đã khẳng định ở phần trên, hội thẩm nhân dân có vai trò quan trọng trong việc đánh giá, nhìn nhận một vấn đề để tiến hành xét xử. hội thẩm nhân dân xuất phát từ chính bản chất của nhà nước ta “nhà nước của dân, do dân, vì dân”.

Hội thẩm nhân dân có trọng trách thay mặt nhân dân tham gia nhằm giám sát, chế ước, hạn chế tiêu cực trong hoạt động của toà án. Chính vì thế, tính độc lập và tính chỉ tuân theo pháp luật trên cũng được áp dụng chung cho hội thẩm nhân dân. Chính sự có mặt của hội thẩm cũng là một cách để tính độc lập của Toà được nâng cao, tránh sự kiềm chế không đáng có của cơ quan khác (như viện kiểm sát, cơ quan điều tra, …).

1. ***Cơ sở thực tiễn***

Bên cạnh những cơ sở mang tính lý luận như đã phân tích, nguyên tắc ra đời còn là kết quả của sơ sở mang tính thực tiễn:

*Thứ nhất*, xuất phát từ vị trí, vai trò của Toà án trong bộ máy nhà nước.

Từ chính vai trò và vị trí của Toà án trong nhà nước xã hội chủ nghĩa có sự ảnh hưởng bởi thuyết phân chia quyền lực giữa: lập pháp – hành pháp – tư pháp, đòi hỏi một Toà án được hoạt động một cách độc lập, một Toà án thực quyền có khả năng kiềm chế đối trọng với các nhánh quyền lực khác.

*Thứ hai*, xuất phát từ thực tiễn xét xử của Toà án.

Theo đó, từ chính thực tiễn xét xử qua các vụ án, từ thực tiễn tính chất công việc của các thẩm phán và hội thẩm nhân dân,việc đòi hỏi hình thành nguyên tắc là một đòi hỏi mang tính tiên quyết, và không thể không thực hiện.

Từ những cơ sở đã phân tích, một lần nữa khằng định: Thẩm phán và Hội thẩm nhân dân là những đối tượng khác nhau nhưng có vị trí và vai trò độc lập, ngang bằng nhau. Khi xét xử, hội thẩm độc lập và chỉ tuân theo pháp luật, ngược lại Thẩm phán cũng chỉ xét xử và quyết định dựa trên pháp luật mà không bị ảnh hưởng tiêu cực từ thành phần khác. Việc đưa ra quan điểm và ý kiến của bất kì cơ quan, tổ chức, cá nhân nào không bị chị phối bởi nhau, mà chỉ căn cứ vào các quy định của pháp luật. Chính điều này làm cho hiệu quả xét xử tăng, tính trách nhiệm và chịu trách nhiệm được đảm bảo

1. Từ điển tiếng việt, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1994, tr.316 [↑](#footnote-ref-1)